

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17 / 5 /2019

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Châu

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST –HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1978, có mặt

Bị đơn: Ông Văn Hữu T, sinh năm 1978, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Hẻm 2, Liên gia 3, Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đăklăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Bà và ông Văn Hữu T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 sau thời gian tìm hiểu được khoảng sáu tháng, có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 21/5/2013 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăklăk. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường hay xảy xỉn về đánh đập vợ, không lo làm ăn, bà P đã tha thứ nhiều lần nhưng không sửa đổi. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không

thể chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Trong thời kỳ hôn nhân bà P và ông T có 03 con chung là cháu Văn Hữu P1, sinh ngày 18/10/2000; cháu Văn Hữu H, sinh ngày 03/11/2008; cháu Văn Hữu K, sinh ngày 15/07/2010. Nguyện vọng của bà P xin được nuôi hai cháu H và cháu K, riêng cháu P1 đã trưởng thành hoàn toàn khỏe mạnh có việc làm nên không yêu cầu tòa án giải quyết, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Văn Hữu T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp và hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị P. Bà Trần Thị P được ly hôn ông Văn Hữu T.

Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của bà P, giao con chung cho bà P nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Văn Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử

vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Văn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng bà P và ông T chung sống được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, đánh đập vợ không chăm lo hạnh phúc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, gây mất trật tự trong xóm. Tình trạng mâu thuẫn giữa bà P và ông T không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, nếu ông T là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, ông T không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân của bà P và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị P cho bà Trần Thị P được ly hôn ông Văn Hữu T

[4]. Về con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là cháu Văn Hữu P1, sinh ngày 18/10/2000; cháu Văn Hữu H, sinh ngày 03/11/2008; cháu Văn Hữu K, sinh ngày 15/07/2010. Hiện nay cháu P1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, riêng cháu K và cháu H đang đi học, trên cơ sở nguyện vọng của hai cháu cũng như của bà P giao con chung là cháu Văn Hữu H, sinh ngày 03/11/2008; cháu Văn Hữu K, sinh ngày 15/07/2010 cho bà P nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P;

Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Văn Hữu T .

Về con chung: Giao cháu cháu Văn Hữu H, sinh ngày 03/11/2008; cháu Văn Hữu K, sinh ngày 15/07/2010 cho bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Bà Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0006920 ngày 06/12/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã Hòa Thuận, Buôn Ma Thuột;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu